

Bản án số: **58/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 01-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
về cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Bê
2. Ông Lưu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 11-3-2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Võ Văn B**, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện A (Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A (Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/12/2018, biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Bà và ông Võ Văn B chung sống với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/6/1999. Cuộc sống vợ thật sự hạnh phúc chỉ được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B ghen tuông vô cớ; việc ông cưới bà là do cha mẹ ông ép buộc chứ ông không tự nguyện và còn nói đùa con gái lớn của bà và ông gọi ông bằng bác chứ không được gọi bằng cha, vì thương con nên bà cố gắng nhẫn nhịn tiếp tục chung sống. Đến khoảng tháng 10 năm 2017 vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi nhau xuất phát từ việc bà trực tiếp mua bộ bát về sửa máy và mua gạo về nhà ăn, nhưng ông B xác định những tài sản đó là do người khác mua cho nên ông cho rằng bà không trung thực, trong lúc cãi nhau ông B có đánh bà bằng tay. Mỗi lần cãi nhau bà đều có nói cho cha mẹ chồng biết và cũng đã được cha mẹ hai bên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông B vẫn không thay đổi tính tình nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều không thể khắc phục được, do đó vợ chồng thật sự ly thân nhau từ tháng 10 năm 2017 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Kiều N, sinh ngày 17/02/2001 và Võ Tấn Đ, sinh ngày 02/4/2013.

Về tài sản: Vợ chồng không tranh chấp.

Về nợ: Khi gửi đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý thì bà xác định vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng vì nghĩ rằng những khoản nợ do ông B tự vay nên để ông B tự trả. Hiện bà xác định ông B có 02 khoản nợ gồm: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện A 30.000.000 đồng và Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A 20.000.000 đồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn ông Võ Văn B;

- Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi Võ Tấn Đ, sinh ngày 02/4/2013, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn; còn đối với Võ Thị Kiều N, sinh ngày 17/02/2001 đã thành niên, đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về quan hệ nợ chung: Do những khoản nợ nêu trên là ông B tự vay và chi sai cá nhân nên ông B tự chịu trách nhiệm trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện A 30.000.000 đồng, Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A 20.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng, bà không chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông B.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2019, ngày 08/8/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Võ Văn B trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị P chung sống với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/6/1999. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc khoảng hơn 10 năm, cho đến ngày 24/10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong khi say rượu ông có nhắc lại chuyện cũ từ việc anh vợ cho phụ tùng sửa xe nên vợ chồng xảy ra cãi nhau và P bỏ về nhà cha mẹ ruột, đến ngày hôm sau trong khi ông đi mua thuốc trừ sâu thì P trở về nhà và dọn đồ đạc về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng thật sự ly thân nhau từ đó đến nay. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau.

Về con: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Võ Thị Kiều N, sinh ngày 17/02/2001 và Võ Tấn Đ, sinh ngày 02/4/2013.

Về tài sản: Vợ chồng tranh chấp.

Về nợ: Xác định có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện A 30.000.000 đồng, Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A 20.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Nay theo yêu cầu của bà P, ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với Nguyễn Thị P, vì lý do còn thương vợ thương con;

Nếu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông thì ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Võ Tấn Đ, sinh ngày 02/4/2013, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con; còn đối Võ Thị Kiều N, sinh ngày 17/02/2001 đã thành niên, đủ 18 tuổi tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về quan hệ nợ chung: Sau khi ly hôn, tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vay còn thiếu cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện A 30.000.000 đồng, Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A 20.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng, bà P không chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông.

** Tại biên bản xác minh ngày 17/7/2019, văn bản trình bày ý kiến ngày 31/7/2019, đơn xin giải quyết vắng mặt, đơn xin xét xử vắng mặt của đại diện Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện A trình bày:*

Hiện chỉ ông Võ Văn B có khoản nợ vay tại với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện A, nhưng do hợp đồng vay tiền của ông B vẫn còn trong thời hạn và ông B vẫn thực hiện đúng nghĩa vụ đối

với Ngân hàng, đồng thời ông B cũng đã có ý kiến tự chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh đối với Ngân hàng.

Do đó, đại diện Ngân hàng đồng ý với ý kiến của ông Võ Văn B nêu ra về việc ông B tự chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và lãi phát sinh theo hợp đồng, bà P không chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông B và xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền vay mà ông B còn nợ Ngân hàng trong cùng vụ án xin ly hôn của bà P và ông B.

** Tại biên bản xác minh ngày 17/7/2019, văn bản trình bày ý kiến ngày 31/7/2019, đơn xin giải quyết vắng mặt, đơn xin xét xử vắng mặt của đại diện Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A trình bày:*

Hiện bà Nguyễn Thị P, ông Võ Văn B có khoản nợ vay tại Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A, nhưng do hợp đồng vay tiền của bà P và ông B vẫn còn trong thời hạn và họ vẫn thực hiện đúng nghĩa vụ đối với Ngân hàng, đồng thời ông B cũng đã có ý kiến tự chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh đối với Ngân hàng.

Do đó, đại diện Ngân hàng đồng ý với ý kiến của ông Võ Văn B nêu ra về việc ông B tự chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và lãi phát sinh theo hợp đồng, bà P không chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông B và xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền vay mà ông B còn nợ Ngân hàng trong cùng vụ án xin ly hôn của bà P và ông B.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên, đồng thời cho biết hiện tại bà đang làm thuê nên có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 4.200.000 đồng, do đó xác định đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn ông Võ Văn B vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn ông Võ Văn B trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, cho bà Nguyễn Thị P ly hôn ông Võ Văn B; về nuôi con chung, giao Võ Tấn Đ, sinh ngày 02/4/2013 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không cấp dưỡng nuôi con cùng bà P, còn đối với Võ Thị Kiều N, sinh ngày

17/02/2001 đã thành niên, đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được và nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp, yêu cầu gì nên không xem xét; về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị đình chỉ phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn rút yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn ông Võ Văn B biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con, về cấp dưỡng*” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P. Nhưng bị đơn ông B không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên họp lần thứ nhất và phiên họp lần thứ hai ông B đều tự ý bỏ về, không nêu lý do nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp được. Như vậy cũng được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vụ án có tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ nên Tòa án cũng đã 02 lần thông báo hợp lệ đến ông B về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông B đều vắng mặt không lý do.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông B, nhưng ông B vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông B, nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện A và Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A cũng vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà P không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện A và Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và bị đơn ông Võ Văn B khi tổ chức hôn nhân, ông bà tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/6/1999. Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông B là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P thấy rằng: Qua các chứng cứ thu thập được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa và lời trình bày thừa nhận của các đương sự xác định được, quá trình chung sống giữa bà P và ông B đã phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong một thời gian dài, và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Bản thân ông B tuy không đồng ý ly hôn với bà P, nhưng ông lại thừa nhận một trong những nguyên nhân dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do trong khi say rượu ông có nhắc lại mâu thuẫn từ chuyện cũ nên làm cho vợ chồng cãi nhau dẫn đến bà P bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và kể từ khi ly thân đến nay vợ chồng không còn liên lạc gì qua lại với nhau. Tòa án đã kiên trì động viên, phân tích nhưng trong khi Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên họp lần thứ nhất và phiên họp lần thứ hai ông B đều tự ý bỏ về và 02 phiên họp lần sau mặc dù được tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhưng ông B đều không tham gia cũng không nêu lý do, kể cả phiên tòa xét xử. Điều đó cho thấy ông B mặc dù không đồng ý ly hôn với bà P nhưng ông B có ý thức bỏ mặc sự việc, đồng thời bà P vẫn cương quyết xin ly hôn với ông B.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của bà P và ông B là có thật, phù hợp với lời trình bày của bà P, ông B nêu trên, do đó hai bên đã thật sự ly thân nhau từ đó đến nay (Bút lục số 64).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông B không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P đối với ông B theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung: Theo bà P và ý kiến của ông B thống nhất xác định, vợ chồng có 02 đứa con chung tên Võ Thị Kiều N, sinh ngày 17/02/2001 và Võ Tấn Đ, sinh ngày 02/4/2013. Đối với Võ Thị Kiều N đã thành niên, đủ 18 tuổi tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn đối với Võ Tấn Đ, bà P yêu cầu trực tiếp nuôi nhưng ông B không đồng ý mà có ý kiến yêu cầu được nuôi con.

HĐXX xét thấy, yêu cầu được nuôi con của ông B là chưa hợp lý, bởi từ khi ly thân đến nay con do bà P trực tiếp nuôi và phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác, hơn nữa cháu Võ Tấn Đ cũng đã có ý kiến sau khi cha mẹ (bà P, ông B) ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà P. Vì vậy, cần giao cháu Võ Tấn Đ, sinh ngày 02/4/2013 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bà P và ông B ly hôn là phù hợp theo nguyện vọng của cháu Võ Tấn Đ và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Khi gửi đơn khởi kiện ly hôn và được Tòa án thụ lý thì bà P yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con tên Võ Tấn Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng ba tháng một lần, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và đến tại phiên tòa hôm nay bà P xác định hiện nay bà có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi

dưỡng con chung, do đó ông B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà, đồng thời xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông B không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn bà P. Việc nguyên đơn bà P rút phần yêu cầu khởi kiện cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn ông B là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn bà P đối với ông B.

- Về tài sản chung: Giữa bà P và ý kiến của ông B thống nhất xác định, vợ chồng không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về nợ chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày thừa nhận của các đương sự (P, B) và ý kiến bằng văn bản của đại diện Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A và đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh A xác định và thống nhất: Hiện bà P, ông B còn nợ chung đối với chủ nợ: Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A 20.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng; còn đối với nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện A 30.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là nợ riêng của ông B.

Sau khi ly hôn ông B tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A 20.000.000 đồng tiền vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện A 30.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng, bà P không chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông B.

Thấy rằng, tuy chủ nợ là Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện A không có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án xin ly hôn giữa bà P và ông B, nhưng đại diện Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A và đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện A cũng đồng ý theo cách phân chia trách nhiệm trả nợ mà bà P, ông B đã thỏa thuận với nhau. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (P, B và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện A, Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về phần này, do đó HĐXX không xem xét giải quyết mà chỉ xem đây là căn cứ để sau này ai có trách nhiệm phải trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện A, Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện A.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có

đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà P phải chịu **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị P ly hôn ông Võ Văn B.

2 - Về nuôi con chung: Giao con chung Võ Tấn Đ, sinh ngày 02/4/2013 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng (*đúng theo nguyện vọng của Võ Tấn Đ*), ông B không cấp dưỡng nuôi con cùng bà P sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với bị đơn ông Võ Văn B.

4 - Về tài sản chung và về nợ chung: Không xem xét.

5 - Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006155 ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; bà P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 01/11/2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND xã K;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh